- Có thể hỏi thêm học sinh: + Muốn nhân 2 phân số ta làm như thế nào? + Muốn chia 2 phân số ta làm như thế nào? + Muốn thực hiện các phép tính với hỗn số ta làm như thế nào? - Giáo viên nhận xét	$\frac{1}{5}:\frac{7}{8}=\frac{1}{5}\times\frac{8}{7}=\frac{8}{35}$ $1\frac{1}{5}:1\frac{1}{3}=\frac{6}{5}:\frac{4}{3}=\frac{6}{5}\times\frac{3}{4}=\frac{18}{20}=\frac{9}{10}$ - Học sinh trả lời. - Học sinh nêu. - Học sinh trả lời. - Học sinh nghe
<u>Bài 2</u>: HĐ cá nhân - Đọc yêu cầu bài 2. - Yêu cầu HS nêu lại cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính - Yêu cầu HS làm bài cá nhân - Nhận xét.	- Tìm x: - HS nêu - Cả lớp làm vở, chia sẻ kết quả $x+\frac{1}{4}=\frac{5}{8}$ $\quad$ $x\times\frac{2}{7}=\frac{6}{11}$ $x=\frac{5}{8}-\frac{1}{4}$; $\quad$ $x=\frac{6}{11}:\frac{2}{7}$ $x=\frac{3}{8}$ $\quad$ $x=\frac{21}{11}$
<u>Bài 3</u>: HĐ cá nhân - Đọc yêu cầu bài 3. - GV hướng dẫn mẫu - Yêu cầu HS làm bài cá nhân - GV nhận xét chữa bài	- Cả lớp theo dõi - HS theo dõi $2\text{m}15\text{cm}=2\text{m}+\frac{15}{100}\text{m}=2\frac{15}{100}\text{m}$ $1\text{m}\ 75\text{cm}=1\text{m}+\frac{75}{100}\text{m}=1\frac{75}{100}\text{m}$ $5\text{m}36\text{cm}=5\text{m}+\frac{36}{100}\text{m}=5\frac{36}{100}\text{m}$ $8\text{m}\ 8\text{cm}=8\text{m}+\frac{8}{100}\text{m}=8\frac{8}{100}\text{m}.$
3. HĐ tiếp nối: *(2 phút)*	
- Cho HS nhắc lại cách thực hiện các phép tính với hỗn số.	- HS thực hiện.
4. HĐ sáng tạo: (1 phút)	
- Về nhà vận dụng kiến thức vào thực tiễn.	- HS nghe và thực hiện.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

+ Biết sử dụng đúng từ đồng nghĩa một cách thích hợp (BT1). Hiểu ý nghĩa chung của một số tục ngữ (BT2).

+ Dựa theo ý 1 khổ thơ trong bài *Sắc màu em yêu*, viết được đoạn văn miêu tả sự vật có sử dụng 1, 2 từ đồng nghĩa (BT3)

+ Học sinh (M3,4) biết dùng nhiều từ đồng nghĩa trong đoạn văn viết theo BT3.

2. Kĩ năng: Viết được đoạn văn miêu tả sự vật có sử dụng 1, 2 từ đồng nghĩa.

3.Thái độ: Thích tìm nhiều từ đồng nghĩa.

4. Năng lực*:*

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bút dạ, bảng phụ....
- Học sinh: Vở

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, "động não"

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ khởi động: *(3 phút)*	
- Gọi học sinh làm lại bài 2, 4	- HS nối tiếp nhau nói
2. HĐ thực hành *(27 phút)* ***Mục tiêu:** - Học sinh biết tìm từ đồng nghĩa phù hợp. - Biết sử dụng từ để đặt câu, viết văn. ***Cách tiến hành:**	

Bài 1:	
- Gọi HS đọc yêu cầu	- Học sinh đọc bài tập.
- Yêu cầu học sinh làm việc theo cặp, giáo viên đánh số thứ tự vào các ô trống.	-Học sinh thảo luận nhóm đôi làm bài.
- Giáo viên nhận xét lời giải đúng	-3 học sinh làm bảng nhóm
- Yêu cầu HS đọc lại đoạn văn	- 2 học sinh đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh
- Các từ: xách, đeo, khiêng, kẹp, vác cùng có nghĩa chung là gì?	- Mang một vật nào đó đến nơi khác (vị trí khác).
- Tại sao không nói: Bạn Lệ vác trên vai chiếc ba lô con cóc?	- Vì: *đeo* là mang một vật nào đó kiểu dễ tháo cởi, *vác* nghĩa là chuyển vật nặng hoặc cồng kềnh bằng cách đặt lên vai. Chiếc ba lô con cóc nhẹ nên dùng từ đeo là phù hợp.
Bài 2:	
- Học sinh đọc yêu cầu.	- Cả lớp theo dõi
- Chia nhóm 4 học sinh thảo luận và làm bài.	- Học sinh thảo luận chọn 1 ý giải thích đúng ý nghĩa chung của cả 3 câu tục ngữ.
("cội" là "gốc")	
- Gọi nhóm trình bày.	
- Yêu cầu học sinh đọc thuộc lòng các câu tục ngữ.	- Nghĩa chung: gắn bó với quê hương là tình cảm tự nhiên.
- Giáo viên nhận xét.	- Học sinh đọc thuộc cả 3 câu.
Bài 3:	
- Gọi HS đọc yêu cầu	- Học sinh đọc yêu cầu bài tập
- Yêu cầu học sinh đọc thuộc lòng đoạn thơ "Sắc màu em yêu".	- 8 học sinh đọc nối tiếp thuộc lòng.
- Em chọn khổ thơ nào để miêu tả khổ thơ có màu sắc và sự vật nào?	- Em thích khổ thơ 2. Ở đây có rất nhiều sự vật màu xanh: cánh đồng, rừng núi, nước biển, bầu trời.
- Tìm từ đồng nghĩa của màu xanh?	- Xanh mượt, xanh non, xanh rì, xanh mát, xanh thẫm.
- Chọn các sự vật ứng với mỗi màu sắc để viết một đoạn văn miêu tả?	
- Yêu cầu học sinh viết bài.	
- Trình bày kết quả	- 2 HS viết vào bảng nhóm, cả lớp viết vào vở
- Giáo viên nhận xét, sửa chữa lỗi câu từ.	- Thiên nhiên có muôn màu, muôn sắc nhưng em thích nhất là màu xanh. Bởi màu xanh là màu của

	hoà bình, màu của sự sống. Cánh đồng lúa đang thì con gái xanh mượt, luống rau mẹ trồng xanh non trông thật ngon mắt. Con mương dẫn dòng nước xanh mát vào tưới cho đồng ruộng. Lũy tre xanh rì bao bọc lấy làng xóm quê hương. Xa xa, dãy núi xanh thẫm. Cảnh vật quê hương thật thanh bình.
3. HĐ ứng dụng: *(3 phút)*	
- Nhận xét giờ học. - Viết lại đoạn văn bài tập 3.	- Lắng nghe và thực hiện
4. HĐ sáng tạo: (2 phút)	
- Vận dụng kiến thức về từ đồng nghĩa để nói và viết cho phù hợp.	- Lắng nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 21 tháng 9 năm 2018

Tập làm văn

LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Nắm được ý chính của 4 đoạn văn và chọn một đoạn để hoàn chỉnh theo yêu cầu của bài tập1.

2. Kĩ năng: Dựa vào dàn ý bài văn miêu tả cơn mưa đã lập trong tiết trước viết một đoạn văn có chi tiết và hình ảnh hợp lí (BT2).

* HS (M3,4) biết hoàn chỉnh các bài văn ở bài tập 1 và chuyển một phần dàn ý thành đoạn văn miêu tả khá sinh động.

* GD BVMT: Khai thác trực tiếp nội dung bài: Ngữ liệu dùng để Luyện tập(Mưa rào) có nội dung giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, có tác dụng giáo dục BVMT.

3.Thái độ: Giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, giáo dục bảo vệ môi trường.

4. Năng lực:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II- CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: Bút dạ, 2 đến 3 tờ giấy khổ to
- HS: SGK, vở viết

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

III- TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ khởi động: *(5 phút)*	
- Cho HS thi trình bày dàn ý của bài văn miêu tả một cơn mưa. - GV nhận xét - Giới thiệu bài -Ghi bảng	- HS trình bày - HS theo dõi - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: *(25 phút)* ***Mục tiêu:** - Nắm được ý chính của đoạn văn và chọn một đoạn để hoàn thành. - Viết được đoạn văn miêu tả theo yêu cầu. ***Cách tiến hành:**	
<u>Bài 1</u>: HĐ cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - Đề văn mà Quỳnh Liên làm gì? - Yêu cầu học sinh thảo luận để xác định nội dung chính của mỗi đoạn? - Yêu cầu học sinh phát biểu ý kiến. - Em có thể viết thêm gì vào đoạn văn của bạn Quỳnh Liên?	- 1 học sinh đọc yêu cầu - 5 học sinh đọc nối tiếp từng đoạn văn chưa hoàn chỉnh. - Tả quang cảnh sau cơn mưa. - Học sinh trao đổi nhóm đôi. - Các nhóm nối tiếp nhau phát biểu. + Đoạn 1: Giới thiệu cơn mưa rào, ào ạt, tới rồi tạnh ngay. + Đoạn 2: Ánh nắng và con vật sau cơn mưa. + Đoạn 3: Cay cối sau cơn mưa. + Đoạn 4: Đường phố và con người sau cơn mưa. - Đoạn 1: viết thêm câu tả cơn mưa. - Đoạn 2: viết thêm các chi tiết miêu tả chị gà mái tơ, đàn gà con, ...sau cơn mưa.

	- Đoạn 3: viết thêm câu văn miêu tả một số cây, hoa sau cơn mưa. - Đoạn 4: viết thêm câu tả hoạt động của con người trên đường phố.
- Yêu cầu học sinh tự làm bài - Yêu cầu 4 em lên bảng và đọc đoạn văn - Giáo viên nhận xét sửa chữa - Yêu cầu các học sinh khác đọc - Nhận xét, khen ngợi HS viết đạt yêu cầu	- 4 em viết bảng nhóm, lớp làm vở - 4 học sinh đọc đoạn văn. - Lớp nhận xét bổ sung ý kiến - 8 học sinh nối tiếp nhau đọc từng đoạn của bài văn
<u>Bài 2</u>: HĐ cả lớp - Gọi học sinh đọc yêu cầu - Em chọn đoạn văn nào để viết ?	- Học sinh đọc yêu cầu của bài tập - Học sinh nối tiếp nhau ý kiến. + Em viết đoạn văn tả quang cảnh trước khi cơn mưa đến. + Em viết đoạn văn tả cảnh cơn mưa + Em tả hoạt động của con người sau cơn mưa
- Yêu cầu học sinh tự làm bài - Giáo viên gợi ý: đọc lại dàn ý bài văn tả cơn mưa mình đã lập để viết	- 2 HS viết bảng nhóm, HS viết vào vở
- Yêu cầu học sinh trình bày bài - Giáo viên nhận xét, sửa chữa	- 5-7 em đọc bài viết của mình -HS nghe
3. HĐ ứng dụng: *(5 phút)*	
- Nhắc lại nội dung tiết học, vận dụng kiến thức vào viết văn.	- HS nêu
4. HĐ sáng tạo: (2 phút)	
- Dặn HS về nhà thực hành viết đoạn văn miêu tả và chuẩn bị bài học sau.	- Lắng nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Toán

ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

I. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức: Biết giải toán dạng tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.

2. Kĩ năng: Làm được bài tập dạng tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó. HS làm bài 1

***3. Thái độ*:** Yêu thích học toán, cẩn thận, chính xác.

4. Năng lực:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II- CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: SGK
- HS: SGK, vở viết

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

III- TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ khởi động: *(5 phút)*	
- Cho HS tổ chức trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung: Viết số đo độ dài theo hỗn số. a. 2m 35dm = ...m b. 3dm 12cm = ...dm c. 4dm 5cm=.....dm d. 6m7dm =.....m	- HS chơi trò chơi
- GV nhận xét	- HS nghe
- Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS ghi vở
2. HĐ ôn tập lí thuyết: *(20 phút)* ***Mục tiêu:** Nắm được cách giải toán dạng tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó. ***Cách tiến hành:**	
* *Bài toán về tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.* **Bài toán 1**: Tổng 2 số là 121 Tỉ số 2 số là $\frac{5}{6}$ Tìm hai số đó. - Yêu cầu HS nêu lại các bước giải	- Học sinh đọc đề bài và làm. Bài giải Ta có sơ đồ: 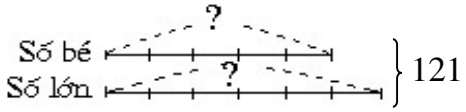

	Tổng số phần bằng nhau là: 5 + 6 = 11 (phần) Số bé là: 121 : 11 x 5 = 55 Số lớn là: 121 - 55 = 66 Đáp số: 55 và 66
** Bài toán về tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.* **Bài toán 2:** Hiệu 2 số: 192 Tỉ 2 số: $\frac{3}{5}$ Tìm 2 số đó? - Nêu cách giải bài toán	- HS nêu lại đề, nêu cách làm và làm bài Bài giải Ta có sơ đồ: 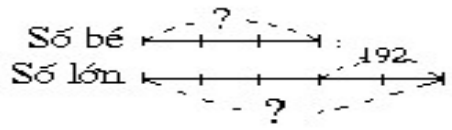 Hai số phần bằng nhau là: 5 - 3 = 2 (phần) Số bé là: (192 : 2) x 3 = 288 Số lớn là: 288 +192 = 480 Đáp số: Số lớn: 480 Số bé: 288
- KL: Nêu lại các bước giải 2 dạng toán trên.	- HS nhắc lại
3. HĐ Thực hành: *(10 phút)* ***Mục tiêu:** Nắm được cách giải toán dạng tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó để làm bài tập 1. ***Cách tiến hành:**	
<u>Bài 1:</u> HĐ cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS nêu lại các bước giải - Yêu cầu HS làm bài - GV nhận xét chữa bài	- Cả lớp theo dõi - 2 học sinh nhắc lại - Cả lớp làm vở, báo cáo giáo viên Giải Tổng số phần bằng nhau là: 7 + 9 = 16 (phần) Số thứ nhất là: 80 : 16 x 7 = 35 Số thứ hai là : 80 – 35 = 45 Đáp số : 35 và 45
4. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)	
- GV cùng HS hệ thống bài học.	- HS thực hiện

5. HĐ sáng tạo:(1 phút)	
- Về nhà tóm tắt lại các bước giải 2 dạng toán điển hình trên.	- HS nghe và thực hiện.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

Đạo đức

CÓ TRÁCH NHIỆM VỀ VIỆC LÀM CỦA MÌNH (TIẾT 1)

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Biết thế nào là có trách nhiệm về việc làm của mình. Khi làm việc gì sai biết nhận và sửa chữa.

2. Kĩ năng: Ra quyết định và kiên định bảo vệ ý kiến đúng của mình

3. Thái độ: Không tán thành với những hành vi trốn tránh trách nhiệm, đỗ lỗi cho người khác.

4. Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: SGK
- Học sinh: SGK,VBT

1. Phương pháp, Kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đàm thoại
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
1. Hoạt động khởi động (5')	
- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi sau: + Em đã làm được những việc gì để xứng đáng là HS lớp 5? + Việc làm đó của em mang lại kết quả như thế nào? - GV nhận xét - Giới thiệu bài.	- HS chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (25 phút) *** Mục tiêu:** Biết thế nào là có trách nhiệm về việc làm của mình. Khi làm việc gì sai biết nhận và sửa chữa. *** Cách tiến hành:**	